TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA CÔNG NGHỆ HÓA

DANH SÁCH XIN MỞ LỚP ÍT
HỌC KỲ 2 (2017 - 2018)

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Thời Gian Học	Lớp Dự Kiến	Ngày Bắt Đầu	Ngày Kết thúc	Tên Giáo Viên	Số tiết dạy
1	13030451	Nguyễn Hoàng	Anh	DHHO9A	210419902	Các phương pháp phân tích hóa lý	Thứ 8 [2 - 3]	DHHD9_lop it	**09/04/2018**	**27/05/2018**	Nguyễn Quốc Thắng	**Học 50% (15 tiết)**
	13029901	Phạm Thị Như	ánh	DHHO9A								
	13021011	Phan Thành	Hiếu	DHHD9A								
	12033221	Phạm Anh	Khoa	DHHO8A								
	12021161	Lù A	Sáng	DHHO8A								
	13013661	Nguyễn Ngọc	Thịnh	DHHO9A								
2	14145251	Trần Thị Thu	Hiền	DHHO10AVL	280445002	Các quá trình thiết bị công nghệ Hóa học	Thứ 8 [7 - 9]	DHHO11AVL_lop it	**09/04/2018**	**03/06/2018**	Phạm Văn Hưng	**Học 50% (22 tiết)**
	15116161	Vũ Dai	Luân	DHHO11AVL								
	15123271	Huỳnh Minh	Luận	DHHO11BVL								
	15122531	Nguyễn Xuân	Mạnh	DHHO11BVL								
	16081091	Lương Công	Minh	DHHO12AVL								
	14144181	Trần Lý Anh	Thương	DHHO10AVL								
3	13022671	Bùi Tuấn	Anh	DHHO9A	210405702	Hóa lý Silicat	Thứ 4 [14 - 16]	DHHO9_Lop it	**09/04/2018**	**03/06/2018**	Đoàn Mạnh Tuấn	**Học 50% (22 tiết)**
	15112401	Phạm Nguyễn Kim	Hằng	DHHO11AVL								
	13021011	Phan Thành	Hiếu	DHHD9A								
	12132411	Nguyễn Hoàng	Huy	DHHO8A								
	15119431	Nguyễn Văn	Linh	DHHO11BVL								
	15115491	Ngô Thanh	Sang	DHHO11AVL								
	15114361	Nguyễn Hoàng	Triều	DHHO11AVL								
	15113121	Lê Đức	Trung	DHHO11AVL								
4	12056741	Phạm Ngọc	Anh	DHHD8A	210402602	Công nghệ chế biến khí	Thứ 8 [10 - 12]	DHHD9_lop it	**09/04/2018**	**06/05/2018**	Đỗ Qúy Diễm	**Học 20% (9 tiết)**
	13028731	Cao Thị Bích	Phương	CDHO15A	110401102	Công nghệ chế biến khí 1		CDHO15_gh_210402601				

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Thời Gian Học	Lớp Dự Kiến	Ngày Bắt Đầu	Ngày Kết thúc	Tên Giáo Viên	Số tiết dạy
5	13037751	Lê Cao Thái	Bình	DHHD9A	210401602	Công nghệ hóa dầu	Thứ 2 [14 - 16]	DHHD9_lop it	**09/04/2018**	**29/04/2018**	Bạch Thị Mỹ Hiền	**Học 20% (9 tiết)**
	13055311	Trương Hữu	Nhân	DHHD9A								
6	13042181	Bùi Đình	Thạch	DHHD9A	210401701	Công nghệ lọc dầu	Thứ 3 [14 - 16]	DHHD9_lop it	**09/04/2018**	**29/04/2018**	Trần Thị Hồng	**Học 20% (9 tiết)**
7	13033211	Trần Đỗ Trường	An	DHPT9A	210409902	Phương pháp lấy mẫu và xử lý mẫu trong hóa phân tích	Thứ 8 [4 - 6]	DHPT9_lop it	**09/04/2018**	**22/04/2018**	Trần T.Thanh Thúy.	**Học 20% (6 tiết)**
8	13030451	Nguyễn Hoàng	Anh	DHHO9A	210403202	Công nghệ sản xuất phân bón hóa học	Thứ 3 [14 - 16]	DHHO8_lop it	**09/04/2018**	**29/04/2018**	Phạm Thành Tâm	**Học 20% (9 tiết)**
	12132411	Nguyễn Hoàng	Huy	DHHO8A								
	12071891	Phạm Đình	Lộc	DHHO8A								
9	13093901	Phạm Công	Lợi	DHHO9ATT	250405602	An mòn và bảo vệ kim loại	Thứ 8 [7 - 9]	DHHO9TT_Lop it	**09/04/2018**	**03/06/2018**	Đoàn Mạnh Tuấn	**Học 50% (22 tiết)**
	13088291	Lê Nguyễn Đình	Thuận	DHHO9BTT								
	13024021	Trần Thái	Dương	DHHO9A	210405601	An mòn và bảo vệ kim loại		DHHO9A_gh_250405601				
	13024021	Bùi Hoàng Phi	Phụng	DHHO12AVL	280405601	An mòn và bảo vệ kim loại		DHHO12AVL_gh_250405601				
10	13071531	Phạm Hữu	Nghĩa	CDPT15A	110413501	Anh văn chuyên ngành công nghệ	Thứ 8 [4 - 6]	CDPT15_gh_210431601	**09/04/2018**	**27/05/2018**	Nguyễn Văn Cường	**Học 50% (15 tiết)**
	13093901	Phạm Công	Lợi	DHHO9ATT	250431601	Anh văn chuyên ngành công nghệ Hóa dầu		DHHO9TT_lop it				
	13089671	Trần Nhật	Thịnh	DHHO9ATT								
	13097891	Huỳnh Nguyên Khánh	Trình	DHHO9BTT								
	13093071	Dương Hoàng	Trí	DHHO9BTT								
	15122381	Vũ Thị Hồng	Thắm	DHHO11BVL	280415502	Anh văn chuyên ngành công nghệ hóa học 2		DHHO11BVL_gh_250431601				
	14144181	Trần Lý Anh	Thương	DHHO10AVL								
	13027721	Lê Bảo	Châu	DHHO9BTT	250431701	Anh văn chuyên ngành Công nghệ Vật liệu		DHHO9BTT_gh_250431601				
11	15116161	Vũ Dai	Luân	DHHO11AVL	280405401	Hóa lý 1	Thứ 3 [14 - 16]	DHHO11AVL_HL	**09/04/2018**	**20/05/2018**	Nguyễn Hoàng Minh	**Học 50% (15 tiết)**
	15114361	Nguyễn Hoàng	Triều	DHHO11AVL								
	13028731	Cao Thị Bích	Phương	CDHO15A	110403401	Động hóa học		CDPT15_gh_210442101				
	12088021	Hoàng Trần	Vinh	DHPT8A	210428201	Nhiệt động hóa học		DHPT8_gh_210442101				